TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 201/2024/HS-ST **Ngày 07/6/2024**	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cáp Văn Dũng**

Ông **Nguyễn Như Hùng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tùng Lâm** – Thư ký tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng -** Kiểm sát viên

Ngày 7 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 179/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-HS ngày 6/5/2024 đối với bị cáo:

Quang Văn Đ, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã Cam Lâm, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Con ông Quang Văn Sơn, sinh năm 1962 và bà Hà Thị Sơn, sinh năm 1965. Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 3. Vợ: Vi Thị Bình, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2016.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 08/2022/HSST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xử phạt 8 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/8/2022.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/2/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Văn Trường** - Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

* *Bị hại:* Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1992

HKTT: Bản B, xã Nga My, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An

Nơi ở: Khu S, phường Nam Sơn, thành phố Bắc. Vắng mặt (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn V, xã Việt Thống, thị xã Quế Võ, thành phố Bắc Ninh

Vắng mặt (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1984

HKTT: Xóm 11, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Nơi ở: Khu T, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Vắng mặt (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quang Văn Đ và chị Nguyễn Thị K có quan hệ tình cảm và cùng thuê phòng trọ tại khu Sơn Đông, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 17 giờ ngày 04/02/2024, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus màu đỏ, BKS 37D1-173.10 của chị K chở chị K đến quán làm tóc ở khu Sơn Đông, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, Đ ngồi chờ chị K làm tóc tại quán. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, thấy chị K vẫn chưa làm tóc xong, Đ bảo với chị K để Đ đi xe mô tô về trước và mang theo đồ dùng cá nhân của chị K về phòng trọ, chị K đồng ý. Lúc này, Đ điều khiển xe mô tô trên đi về và cầm theo đồ dùng cá nhân của chị K bao gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO A17 màu hồng đã qua sử dụng cùng 01 Giấy đăng ký xe mô tô và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị K. Trên đường đi, Đ nảy sinh ý định mang số tài sản của chị K bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 18 giờ 30 phút, Đ rẽ vào quán mua bán, sửa chữa điện thoại "Tùng Anh" tại khu Sơn Đông, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, gặp anh Nguyễn Văn T là chủ quán. Đ đưa cho anh T chiếc điện thoại di động của chị K và nói đây là điện thoại của Đ, do cần tiền nên bán. Anh T tưởng thật nên đồng ý mua với giá 800.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô của chị K đến quán cầm đồ "Thái Bảo" tại khu Thái Bảo, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh gặp anh Trần Văn K là chủ quán. Đ đưa cho anh K chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe mô tô, căn cước công dân của chị K và nói đây là xe của vợ Đ, do cần tiền nên đem đi cầm cố. Anh K đồng ý đưa cho Đ số tiền 4.000.000 đồng và viết giấy cầm cố xe, hẹn một tháng sau đến chuộc. Đ cầm số tiền trên đi về. Khoảng 1 tiếng sau, Đ tiếp tục quay lại quán cầm đồ để gặp anh K và đề nghị anh K cho Đ thêm 6.000.000 đồng nữa. Anh K đồng ý đưa thêm cho Đ 6.000.000 đồng và viết lại giấy cầm cố xe với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, do không có khả năng chuộc lại tài sản, sợ chị K biết việc, Đ đã tạo hiện trường giả và thông báo cho chị K về việc Đ bị 03 thanh niên đi trên 01 xe mô tô chặn đầu, xịt hơi cay vào mặt làm Đ đổ xe ngã xuống đường bất tỉnh và đã bị 3 thanh niên này cướp số tài sản chị K giao cho. Đồng thời để tạo sự tin tưởng, Đ đã cùng chị K đến Cơ quan Công an để trình báo về việc Đ bị cướp tài sản. Quá trình làm việc tại Cơ quan Công an, nhận thấy không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình nên Đ đã khai nhận toàn bộ sự việc như đã nêu ở trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 06/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Ninh kết luận:

"- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO A17 màu hồng đã qua sử dụng có giá trị 1.900.000 đồng

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus màu đỏ, BKS 37D1-173.10 đã qua sử dụng có giá trị 19.800.000 đồng

Tổng giá trị tài sản là **21.700.000** đồng"

Tại Bản cáo trạng số 108/CT-VKSTPBN ngày 22/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn K 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 800.000 đồng theo yêu cầu

Miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định cho bị cáo

Bào chữa cho bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý đồng ý với tội danh, điều khoản mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn, khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế để giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến gì và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị hại Nguyễn Thị K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T và Trần Văn K. Xét các đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của các đương sự không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh và Kiểm sát viên đã thực hiện

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn điều tra, truy tố là có tính khách quan và hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng mối quan hệ tình cảm yêu đương, ngày 4/2/2024 tại quán làm tóc ở khu Sơn Đông, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Quang Văn Đ sau khi được chị Nguyễn Thị K đồng ý giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus màu đỏ mang BKS 37D1-173.10, trong cốp có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo A17 màu hồng và giấy tờ tùy thân của chị K để Đ đi về phòng trọ, Đ đã bán chiếc điện thoại di động cho anh Nguyễn Văn T được 800.000 đồng và cầm cố chiếc xe máy cho anh Trần Văn K được 10.000.000 đồng. Số tiền này Đ đã tiêu xài hết dẫn đến không có khả năng chuộc lại tài sản trả cho chị K.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số 108/CT-VKSTPBN ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và năng lực hành vi nhưng do không muốn lao động mà vẫn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân có nhân thân rất xấu, đã từng bị đưa ra xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nhưng vẫn không lấy đó làm bào học để cải tạo hoàn lương mà vẫn tiếp tục phạm tội mới cùng loại tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người "*đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý*" nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét quá trình điều tra và tại

phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự Kn hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Nguyễn Thị K không yêu cầu bị cáo phảo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 800.000 đồng anh T bỏ ra mua chiếc điện thoại VIVO A17; anh Trần Văn K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng bị cáo nhận khi cầm cố chiếc xe máy Yamaha Janus màu đỏ BKS 37D1-173.10. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về vật chứng của vụ án: Các vật chứng đã xử lý trong giai đoạn điều tra Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Do bị cáo "là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn" nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8]. ***Liên quan vụ án:***

Anh Nguyễn Văn T và anh Trần Văn K khi hoạt động có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đúng với ngành nghề, lĩnh vực hoạt động. Khi anh T mua chiếc điện thoại của Đ và anh K nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 37D1-173.10 của Đ đều không biết đó là tài sản do Đ phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Quang Văn Đ phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*";

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Quang Văn Đ 24 (hai mươi tư) tháng** tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"*. Thời hạn tù tính từ ngày 5/2/2024.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* ***Về trách nhiệm dân sự***:

Bị hại Nguyễn Thị K không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Quang Văn Đ phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền **800.000** đồng; bồi thường cho anh Trần Văn K **10.000.000** đồng.

**** Về án phí***: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Lệ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- VKS, CA,THADS TP. Bắc Ninh;
- VKS, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.